

Số: /QĐ-HĐTD

Nội Bài, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập
kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học
và Trung học cơ sở công lập thuộc UBND xã Nội Bài năm 2026**

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO XÃ NỘI BÀI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 27/3/2026;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của UBND xã Nội Bài về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tuyển dụng nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở công lập thuộc UBND xã Nội Bài năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã Nội Bài về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở công lập thuộc UBND xã Nội Bài năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở công lập thuộc UBND xã Nội Bài năm 2026, cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG ÔN TẬP THI VÒNG 1

1. Kiến thức chung (Phụ lục 01)

2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh - Phụ lục 02)

II. NỘI DUNG ÔN TẬP THI VÒNG 2

1. Vị trí Giáo viên Tiểu học hạng III

2. Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở hạng III

(Phụ lục 03)

III. HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUYỆN TẬP VÒNG 1

(Phụ lục 04)

Điều 2. Các thành viên Hội đồng tuyển dụng, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan, Đơn vị xây dựng đề thi và đáp án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp; *(để đăng tin)*
- Lưu: VT, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Trần Thị Thanh Huế**

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG KỲ THI TUYỂN NHÀ GIÁO
LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC XÃ NỘI BÀI NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTD ngày /7/2026
của Hội đồng tuyển dụng xã Nội Bài)

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15.
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.
4. Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.
5. Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15.
6. Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;
7. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
8. Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
9. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (có hiệu lực từ 01/7/2026).
10. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức.
11. Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức.
12. Nghị định số 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức.
13. Thông tư số 001/2025/TT-BNV, ngày 17/03/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức
14. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

15. Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội./.

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
PHẦN II: NGOẠI NGỮ - TIẾNG ANH KỲ THI TUYỂN NHÀ GIÁO
LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC XÃ NỘI BÀI NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐTD ngày /7/2026
của Hội đồng tuyển dụng xã Nội Bài)

I. PHƯƠNG THỨC LÀM BÀI

- Thí sinh được kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đọc, viết môn Tiếng Anh, dạng bài trắc nghiệm khách quan trên máy vi tính, mỗi câu hỏi bao gồm 04 phương án trả lời và chỉ có duy nhất một phương án đúng.

- Trình độ phù hợp yêu cầu đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở và Tiểu học là Bậc 2 (tương đương Bậc A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR) theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023).

- Nội dung: Ngoại ngữ dùng để giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn giảng dạy, tương ứng trình độ Bậc 2 (A2) của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

- Giáo trình tham khảo: Life, Headway-5th Edition, Oxford University Press, English File (trình độ Intermediate/Pre-Intermediate).

II. NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ CÁC VÍ DỤ

1. Category

1.1. Verbs and verb forms (Động từ và dạng của động từ)

1.1.1 Verbs (Động từ):

- to be, to have, to do, to make, to answer, to bring, to hope, to get, to discuss, to change, to dress, to eat, to follow...

- phrasal verbs: call back, get back, get off, get on, grow up, pick up, put on, stand up, take off, try on, turn on, turn off...

Eg:

- Students... a lot of homework in the evening. (do, answer, teach, learn)

- I often... the dishes after dinner. (wash, clean, make, brush)

- She... English very well. (speaks, says, tells, answers)

- He... the television to watch a football match. (turns on, turns off, gets on, gets off)

- My mother... on a farm in the countryside. (picked up, stood up, grew up, got up)

1.1.2. Modal verbs (*Động từ khuyết thiếu*):

- can (*ability now, request*)

- could (*ability in the past, possibility; polite request, suggestions*)

- should, shouldn't (*advice*)

- have to (*must do smt*)

- may/might (*weak possibility at present or in the future*)

- would (*wishes, preferences*)

Eg:

You should... the lights before going out. (turn off, to turn off, turning off, turned off)

- We have to... computers to do our daily working. (to use, using, use, used)

- Can you... this evening, please? (to cook, cook, cooked, cooking)

- My mother... speak English when she was young, but she can't now. (can, could, should, has to)

- You have to... earlier in the morning to go to work on time. (get up, to get up, got up, getting up)

- Nowadays, young people can... English very fluently. (speak, to speak, speaks, speaking)

- I... like some orange juice, please. (may, might, could, would)

- She... go to the zoo or the park. She isn't sure. (may, has to, would, should)

1.1.3. Forms of verb (*Các dạng của động từ*):

- Imperatives

- Infinitives (*with and without to*) after verbs and adjectives

- Gerunds (*-ing form*) after verbs and prepositions

Eg:

- ... in class, please. (Don't talk, Not to talk, Not talking, Not talk)

- ... in please, we have just come. (Come, To come, Coming, Came)

- ... cigarettes is bad for your health. (Smoke, Smoking, Smoked, To smoke)

- Children like... picture books. (read, reading, to read, to reading)

- English people are interested in... football matches at weekends. (watch, to watch, watching, watched)

- She wants... in the countryside because it's peaceful. (live, living, to live, lived)

1.2. Nouns (*Danh từ*)

- Singular and plural nouns (*regular and irregular forms*)
- Countable and uncountable nouns with *some* and *any*
- Compound nouns
- Possessive case with 's & s'

Eg:

- How many... are there in your family? (child, children, childs, childrens)
- This is... house and that is hers. (Alice's, Alice, of Alice, of Alice's)
- I saw some... (butterfly, butterflys, butterflies, butterflyes) in the garden.
- Do you have... (some, any, many, a lot) money? Can I borrow... (any, some, much, many)?
- I always wait for a bus at the... (bus stop, post office, police station, traffic light)
- How much... (money, moneys, moneyes, moneies) do you need?

1.3. Adjectives (Tính từ):

Colors, size, shape, quality, nationality

Cardinal and ordinal numbers

- Possessive: *my, your, his, her, etc*
- Quantitative: *some, any, many, much, a few, a lot of, every.*
- *-ing/ -ed*
- Comparative, equality and superlative (regular and irregular)

Eg:

- Tom is from England. He is... (England, English, Germany, German).
- I would like to buy this... book. (interesting, interested, boring, bored)
- My room is... than yours. (biger, bigger, more big, more bigger)
- Among my friends, Lan is the... of all. (most interesting, more interesting, so interesting as, as interesting as)
- His task is as... as mine. (difficult, more difficult, the most difficult, most difficult)
- Billy is the... student in his class. (good, gooder, best, better)

1.4. Adverbs (Trạng từ)

- Regular and irregular forms of adverbs
- Manner (*quickly, carefully, etc.*)
- Frequency (*often, never, twice a day, weekly, etc.*)
- Definite time (*now, yesterday, already, just, yet, etc.*)
- Degree (*with adjectives/adverbs: very, too, so, quite, so much, a lot, etc.*)
- Place (*here, there, etc.*)
- Sequencing (*first, then, after that, etc.*)
- Certainty (*maybe, perhaps*)
- Attitude, viewpoint (*actually, unfortunately, of course, etc.*)

Eg:

- He can run very... No one can catch him. (fast, fastly, slow, slowly)

- Linh does her work very... She is a good worker. (careful, carefully, bad, badly)

- She plays the guitar rather... (good, well) and she can dance... (gracefully, graceful, grace)

- She... goes to school early. She is never late for school. (always, sometimes, often, never)

- They haven't done their homework... (already, just, never, yet)

- I don't like living in England. The weather is... cold for me. (too, so much, a lot, enough)

- I waited for her for two hours. ..., she didn't come. (Unfortunately, Maybe,

Perhaps, Actually)

1.5. Pronouns (Đại từ)

- Personal (*subject, object*)

- Impersonal: *it, there*

Demonstrative: *this, that, these, those*

Indefinite: *something, everybody, some, any, etc.*

Eg:

- That man is my boss. ... manages the office well. (He, His, She, Her)

- ... computers are made in Japan (This, These, They, There).

- ... wants to be happy. (Everybody, Something, Nobody, Anything)

1.6. Articles (Mạo từ/Quán từ)

- *a/an* + singular countable nouns

- *the* + countable nouns (singular and plural)/ uncountable nouns

Eg:

- I have... aunt in America. (*a, the, an, Ø*)

- They live in... (*a, an, the, Ø*) house in the country... house is large. (*a, an, the, Ø*)

- His wife plays... piano beautifully. (*a, that, the, this*)

- Nowadays, we use... computers to do our work. (*a, an, the, Ø*)

1.7. Prepositions (Giới từ)

- Location: *to, on, inside, next to, at (home), etc.*

- Time: *at, on, in, etc.*

- Direction: *to, into, out of, from, etc.*

- Instrument: *by, with*

- Prepositions following:

* adjectives: *afraid of, interested in...*

* verbs: *laugh at, ask for, etc.*

Eg:

- We always go... (*on, in, at, of*) holiday... (*on, at, in, of*) summer.

- Do you have to go... work at weekends? (at, to, in, on)
- They arrived here... (on, at, in, of) August 1st.
- I'll see you there... (on, at, in, Ø) tomorrow.
- She went to work... (by, with, in, of) car.
- "How did you travel to France?" "We went... plane." (on, in, by, of)
- My children go to school... foot everyday. (on, by, in, of)
- My son doesn't like asking his Mum... pocket money. (to, at, for, of)
- We're leaving... 3 o'clock this Sunday. (on, in, at, of)
- Don't be late... the meeting. (to, in, for, of)
- It takes him four hours to go... Hanoi... Phu Tho. (from/to, from/from, from/in, to/in)

1.8. Connectors (Từ nối)

- and, but, although
- when, while, until, before, after, as soon as
- because, since, if, however, so, also

Eg:

He went to school late... he missed the bus. (when, but, because, so)

The children... games while their parents... together. (were playing/ were chatting, played/ chatted, play/chat, have played/have chatted)

- Linda has only some money in her pocket, ... she has much money in the bank. (and, although, but)

1.9. Interrogatives (Từ để hỏi)

- What, What (+ noun)
- Where, When
- Who, Whose, Which
- How; How much; How many; How often; How long. - Why

Eg:

- ... from Hanoi to Da Nang? (How far, How far it is, How far is it, How far is)

- "... do you work?" "In Hanoi". (What, How, Where, When)

- "... did you do that?" "Because I needed something to eat." (What, Why, Who, When)

- "... is this watch?" "It's \$100." (How many, What price, How much, Which price)

- "... do you go out for dinner?" "We eat out twice a month." (How much, How long, How often, How)

- "... is she living with?" "Her family: parents, an older sister and a brother." (Which, Who, Where, What)

1.10. Quantifiers (Từ chỉ số lượng)

- each, all, both, no
- all of, some of, both of, many of, any of, each of, (a number) of

E.g:

- I have two sisters. ... they are farmers. (Both of, Some of, Each of, All of)
- I can't buy that shirt. I have... money. (some, all, no, each)

2. Tenses (Các thì/thời)

- Present simple: *states, habits, truths*
- Present continuous: *actions that are happening at present* - Present perfect simple:
 - + Recent past with *just*
 - + Indefinite past with *never, ever* (*experience with ever, never*)
 - + Unfinished past with *for, since*
- Past simple: *past events/ finished actions in the past*
- Past continuous: *actions that were happening at a specific moment in the past*
- Future with *going to: future plans*
- Future with *will, shall*

Eg:

- The Earth... round the Sun. (goes, is going, went, was going)
- We... officials of Hanoi People's Committee. (are being, are, is being, is)
- She usually... to work late. (go, goes, went, was going)
- At the moment, all of us... for the exam on 27th of October. (prepare, are preparing, prepared, were preparing).
- We... the exam on 4th of August. (take, are taking, will take, have taken)
- "Where... the Head?" "She... now in the Hall, making a speech." (is/is, is/is being, was/was, was being/ was)
- I... my work. I'm on the way home. (have just finished, just finish, just finished, am just finishing)
- ... you ever... to England? (Did/be, Were/ Ø, Have/been, Will/be)
- He... in this company for ten years. (worked, has worked, works, have worked)
- They have been there since... (last Saturday, at 6 o'clock, a week, tomorrow)
- ... at home yesterday? (Do you stay, Did you stay, Have you stayed, Will you stay)
- I... a new TV two days ago. It costs 7 million. (buy, bought, have bought, will buy)
- Thomas... busy last Saturday. (is, has been, was, will be)
- ... you at school yesterday morning? (Were, Are, Do, Did)
- At this time last weekends, she... her holiday in a luxury resort in Nha Trang. (spent, was spending, has spent, is spending)
- We... the museum this afternoon. Will you go with us? We have enough tickets for us. (visit, are going to visit, will visit, have visited)

- The Government... a new bridge across this river next year. (build, shall build, is going to build, have built)

- How often... your grandparents? (did you visit, will you visit, do you visit, are you visiting)

- How long... in this city? (does she live, is she living, has she lived, shall she live)

- What... last Sunday? (did you do, do you do, have you done, will you do)

- In the year 2050, people... under the sea. (live, will live, are going to live, have lived)

- ... Paul? (Are you going to marry, Shall you marry, Do you marry, Are you marrying)

3. Conditional sentences (Câu điều kiện)

- Type 1: If + present simple, future simple

- Type 2: If + were/ V-ed, would/wouldn't... + V

Eg:

If it rains a lot, trees in our garden... (will die, dies, is going to die, would die)

- If it... fine tomorrow, we... camping. (is/will go, is/go, will be/go, will be/will go)

- You can get high evaluation from the Director Board if you... your best. (try, tried, are trying, were trying)

- I wouldn't do that if I... you. (am, was, were, are)

- If we were here now, we... tennis with you. (could play, play, played, will play)

- Where... if you move to Ho Chi Minh City next month? (did you work, would you work, will you work, could you work)

- What... if you had much power? (will you do, can you do, would you do, did you do)

4. Relative clauses (Mệnh đề quan hệ)

- Defining relative clauses with *which, who, that*

- Non-defining relative clauses with *which, who*

Eg:

- We are talking about the man... set first foot on the Moon. (which; who; which; who)

- I love the manager... you are talking about. (which; which; that; that)

- This is my mother, ... lived in the countryside all her life. (which, who, that, Ø)

5. Verb Patterns:

- Gerunds after *prepositions*

- Verbs followed by *the gerund* | **(common only)**

- Verbs followed by *an infinitive*

Eg:

- I am bored with... at home all day. (stay, staying, to stay, to staying)
- I enjoy... at weekends. (to fish, fishing, fish, to fishing)
- They decided... married. (get, got, getting, to get)
- Tony went to the post office... a bill. (pay, paying, paid, to pay)
- She was working while I passed by. She stopped... and we talked about her last holiday. (working, to work, work)
- She was working while I passed by. I asked her about the way to London. She stopped... me the way. (showing, to show, show)
- Remember... the lights after work. (turn off, turning off, to turn off, to turning off)

6. Passive voice (Câu bị động)

- Affirmative Passive of: Present Simple, Past Simple

Eg:

- Flowers... in the early morning. (cut, cuts, are cut, is cut)
My car... yesterday in a good garage. (was repaired, repaired, is repaired, repairs)
- Where... your watch...? (is...made, does...make, do...make, are...made)
- My computer... in America. (was make, made, makes, was made)
- The children... to school every morning by a careful driver. (are taken, take, took, is taken)
- Until 9 last night, the work... very well. (is finished, was finished, finishes, finished)

7. Question tags (Câu hỏi đuôi)

- Limited range of question tags

E.g:

- It is interesting, ... it? (is, isn't, was, wasn't)
- They go to school, ... they? (do, don't, did, didn't)

8. So sánh với tính từ và trạng từ (comparison)

8.1. Phân biệt tính từ ngắn & tính từ dài

Tính từ ngắn (Short adjectives) (Ký hiệu trong bài này là: S-adj)	Tính từ dài (Long adjectives) (Ký hiệu trong bài này là: L-adj)
- Là tính từ có một âm tiết <u>Ví dụ:</u> red, long, short, hard...	- Là tính từ có từ 2 âm tiết trở lên <u>Ví dụ:</u> beautiful, friendly, humorous...

8.2. Trạng từ ngắn & Trạng từ dài

Trạng từ ngắn (Short adverbs) (Ký hiệu trong bài này là: S-adv)	Trạng từ dài (Long adverbs) (Ký hiệu trong bài này là: L-adv)
--	--

- Là trạng từ có một âm tiết <u>Ví dụ:</u> hard, fast, near, far, right, wrong...	- Là trạng từ có 2 âm tiết trở lên. <u>Ví dụ:</u> quickly, interestingly, tiredly...
--	---

8.3. So sánh hơn với tính từ và trạng từ

ADJ	ADV
1. Công thức chung: + Đối với những tính từ dạng ngắn (1 âm tiết) và những tính từ 2 âm tiết trở lên nhưng tận cùng là y, er, ow, et S1+ be+ adj+er+ than+ O2 <u>Ex:</u> She is hotter than her close friend They are happier than their parents He is cleverer than his friends This room is quieter than that one + Đối với những tính từ 2 âm tiết trở lên trừ những trường hợp ở trên S1+be+more+adj+than+O2 <u>Ex:</u> The economy this year is more fluctuating than the previous one 2. Cách thêm “er” vào sau adj - Những tính từ tận cùng là «e» thì thêm « r »: larger, wider... - Những tính từ tận cùng là 1 phụ âm trừ W, trước đó là 1 nguyên âm thì gấp đôi phụ âm: hotter, bigger... - Những tính từ tận cùng là « y » trước đó là 1 phụ âm thì chuyển « y » sang « ier »: happier, noisier	1. Công thức chung + Đối với những trạng từ giống hệt tính từ: long, close, fast, low, late, hard, wide, high, early S1+V chia+ADV+er+than+O2 <u>Ex:</u> She often comes to class later than her friends + Đối với những trạng từ dài S1+V chia+more+ADV+than+O2 <u>Ex:</u> They play more beautifully than other contestants 2. Cách thêm « er » vào sau Adv - Những trạng từ cùng dạng với tính từ, cách thêm « er » như bên phần Adj: longer, later...

Bảng so sánh tính từ, trạng từ bất quy tắc

Adj	So sánh hơn	So sánh nhất
good/well	better	best
bad	worse	worst
little (amount)	less	least
little (size)	smaller	smallest

much/many	more	most
far (place + time)	further	furthest
far (place)	farther	farthest
late (time)	later	latest
near (place)	nearer	nearest
old (people and things)	older/elder	oldest/eldest

Eg:

- This book is **thicker than** that one. (Cuốn sách này dày hơn cuốn sách kia.)

- They work **harder than** I do. = They work **harder than** me. (Họ làm việc chăm chỉ hơn tôi.)

*** So sánh hơn với tính từ dài và trạng từ dài:**

Cấu trúc:

S1 + more + L-adj/ L-adv + than + S2 + Auxiliary V

S1 + more + L-adj/ L-adv + than + O/ N/ Pronoun

Trong đó:

L-adj: tính từ dài

L-adv: trạng từ dài

Eg:

- He is **more intelligent than** I am. = He is **more intelligent than** me. (Anh ấy thông minh hơn tôi.)

- My friend did **the test more carefully than** I did. = My friend did the test **more carefully than** me. (Bạn tôi làm bài kiểm tra cẩn thận hơn tôi.)

8.4. So sánh hơn nhất đối với tính từ và trạng từ

8.4.1. So sánh hơn nhất đối với tính từ ngắn và trạng từ ngắn:

Cấu trúc:

S + V + the + S-adj-est/ S-adv-est

Eg:

- It is **the darkest** time in my life. (Đó là khoảng thời gian tăm tối nhất trong cuộc đời tôi.)

- He runs **the fastest** in my class. (Anh ấy chạy nhanh nhất lớp tôi.)

8.4.2. So sánh hơn nhất đối với tính từ dài và trạng từ dài

Cấu trúc:

S + V + the + most + L-adj/ L-adv

Eg:

- She is **the most beautiful** girl I've ever met. (Cô ấy là cô gái xinh nhất mà tôi từng gặp.)

- He drives **the most carelessly** among us. (Anh ấy lái xe ẩu nhất trong số chúng tôi.)

8.4.3. Chú ý

- Một số tính từ có 2 âm tiết nhưng có tận cùng là “y, le, ow, er” khi sử dụng ở so sánh hơn hay so sánh hơn nhất nó áp dụng cấu trúc so sánh hơn của tính từ ngắn.

Tính từ	So sánh hơn	So sánh hơn nhất
happy	-> happier	-> the happiest
simple	-> simpler	-> the simplest
narrow	-> narrower	-> the narrowest
clever	-> cleverer	-> the cleverest

Eg:

Now they are **happier than** they were before. (Bây giờ họ hạnh phúc hơn trước kia.)

Ta thấy “happy” là một tính từ có 2 âm tiết nhưng khi sử dụng so sánh hơn, ta sử dụng cấu trúc so sánh hơn của tính từ ngắn.

- Một số tính từ và trạng từ biến đổi đặc biệt khi sử dụng so sánh hơn và so sánh hơn nhất.

Tính từ/Trạng từ	So sánh hơn	So sánh hơn nhất
Good/well	-> better	-> the best
Bad/ badly	-> worse	-> the worst
Much/ many	-> more	-> the most
a little/ little	-> less	-> the least
far	-> farther/ further	-> the farthest/ furthest

9. Reading topics:

Cuộc sống, công việc hàng ngày, Các hoạt động giải trí, Thủ đô Hà Nội, Giao thông, Môi trường, giáo dục, các thành tựu khoa học.

Eg:

A morning in the life of Paula Radcliffe - Marathon Runner

8.30 a.m.

Sometimes, my daughter Isla wakes me and my husband, Gary, up, or, more often, we wake her up. After I get up, I always check my pulse. It's usually 38-40 beats per minute. If it is too high, I rest for the day. It's so important to listen to my body. I have a drink and a snack while giving Isla her breakfast.

9.30 a.m.

We take Isla to nursery and then I start my training. I run, and Gary rides his bike next to me and gives me drinks. Four times a week, I have a cold bath or go for a swim in a lake after training.

12.30 p.m.

I pick up Isla from nursery and we go home and I eat a big lunch of cereal and fruit. Then I have rice and salmon, or toast and peanut butter. I try to eat as

soon as possible after training. After lunch, usually at 2.30 p.m. I play with my daughter.

Questions:

1. What is the passage about?/ What is the main idea of the passage?

- A. Paula's morning
- B. Paula's life
- C. Paula's family
- D. Paula's work

2. What does Paula Radcliffe have for breakfast?

- A. a drink and a snack
- B. cereal and fruit
- C. rice and salmon
- D. toast and peanut butter

3. Why does she always check her pulse after getting up?

- A. Listening to her body is important.
- B. She wants to rest for a day.
- C. She checks it to have a big breakfast.
- D. She likes it to be high.

4. How often does she have a cold bath or go for a swim after training?

- A. every week
- B. four times a week
- C. every day
- D. four times a day

5. What time does she pick up her daughter?

- A. 8.30 a.m.
- B. 9.30 a.m.
- C. 12.30 p.m.
- D. 2.00 p.m.

6. Which is TRUE about Paula Radcliffe?

- A. Isla, her daughter, wakes her and husband up every morning.
- B. She takes Isla to nursery at 9.30 a.m.
- C. While she runs, Gary rides his bike next to her and gives her drinks.
- D. She eats a big lunch of cereal and fruit.

10. Sentences - structures for rewriting:

- What + be + the price of + noun?
- How much + be + noun?/ How much + do/does + noun cost?
- Show the way to, how to get to - Have + noun / There + be + noun - S + be + adj + pre. + V.
- S + V + adverb.
- Spend time + V-ing
- It takes/took smb + time + to-V

- Remember to-V, don't forget to-V
- Like to-V/V-ing
- Be fond of/ keen on + V-ing - To- V/ gerund + be + adj.
- It's + adj + to-V.
- Too + adj/adv + to-V
- So + adj/adv + that + negative/ positive
- Adj/adv + enough + to-V
- Combine sentences by using relatives: who, whom, which...
- Conditional sentences.
- Present situation → Conditional sentence Type 2
- Active → Passive
- Comparisons.
- Shall...? (as offers)
- Be sure + clause

Let's ... (as suggestions) - What a/an + noun phrase (+ clause)

Eg:

1. I cut these flowers yesterday morning.
→ These flowers.....
2. Somebody cleans the room everyday.
→ The room... ..
3. They built this villa 200 years ago.
→ This villa... ..
4. She took him to the cinema on time.
→ He... ..
5. That skirt is too small for my daughter to wear.
→ That skirt is so... ..
6. Why don't you stay in bed for a few days?
→ If I were you,
7. It's warm enough for children to walk outside.
→ It's so warm... ..
8. Barbara is the tallest girl in her class.
→ Nobody in Barbara's class... ..
9. Linh is 170 cm tall. Her husband is 170 cm, too.
→ Linh is as... ..
10. This bag costs 2 million and that one is 3 million.
→ That bag is more... ..
11. No country in the world is larger than Russia.
→ Russia is the... ..
12. The man is my boss. You met him at the cinema yesterday.
→ The man that... ..
13. The woman is my aunt. She works as a plastic surgeon.
→ The woman who.....
14. The school is very old. He is studying in that school.

- The school which... ..
15. Can you tell me the way to the nearest station?
- Can you tell me how... ..?
16. Remember to do all your homework before class.
- Don't forget... ..
17. What is the price of this computer?
- How much is...?/ How much does...?
18. Our office has five printers.
- There are... ..
19. He is a good football player.
- He plays... ..
20. I don't think you should do that.
- If I were you,
21. They will spend twenty months building this bridge.
- It will take... ..
22. Young people like listening to Korean music.
- Young people are interested... ..
23. Taking exercises everyday is good for our health.
- It's good... ..
24. We are in the room now. We shouldn't use mobile phones.
- If we weren't in the room now,
25. They don't have much money. They live in a small house.
- If they had much/more money, they would live... /they wouldn't live...

PHỤ LỤC SỐ 03
NỘI DUNG ÔN TẬP VÒNG 2, KỲ THI TUYỂN NHÀ GIÁO LÀM VIỆC
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC XÃ NỘI BÀI NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-HĐTD ngày /7/2026
của Hội đồng tuyển dụng xã Nội Bài)

STT	Vị trí tuyển dụng	Tài liệu sử dụng	Chủ đề	Phạm vi
1	Giáo viên văn hóa Tiểu học (Tiếng Việt)	- Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024. - Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2024.	Luyện từ và câu: Động từ	Tiết 2, bài 9, tuần 5, trang 41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
			Đọc: Gặt chữ trên non	Tiết 1, bài 15, tuần 8, trang 63-64, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
			Luyện từ và câu: Hai thành phần chính của câu	Tiết 2, bài 3, tuần 20, trang 18, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
			Đọc: Sự tích con Rồng cháu Tiên	Tiết 1, bài 9, tuần 23, trang 40-41, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
			Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích	Tiết 2, bài 15, tuần 26, trang 65-66, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
			Luyện từ và câu: Biện pháp nhân hóa	Tiết 2, bài 17, tuần 10, trang 78-79, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
			Luyện từ và câu: Tính từ	Tiết 2, bài 21, tuần 12, trang 94-95, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập một
			Luyện từ và câu: Luyện tập về chủ ngữ	Tiết 2, bài 5, tuần 21, trang 26-27, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
			Luyện từ và câu: Luyện tập về vị ngữ	Tiết 2, bài 7, tuần 22, trang 32-33, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
			Đọc: Sáng tháng Năm	Tiết 1, bài 11, tuần 24, trang 48-49, sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập hai
2	Giáo viên văn hóa Tiểu học (Toán)	- Sách giáo khoa Toán 4 – tập 1 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023. '- Sách giáo khoa Toán 4 – tập 2 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Bài 17. Yến, tạ, tấn (Tiết 1)	Trang 56; 57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 25. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó (Tiết 1)	Trang 86; 87, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 31. Hình bình hành. Hình thoi (Tiết 2)	Trang 107; 108, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 38. Nhân với số có một chữ số (Tiết 1)	Trang 4; 5, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
			Bài 55. Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1)	Trang 56; 57, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
			Bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (tiết 1)	Trang 26; 27, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 18: Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông (tiết 1).	Trang 60; 61, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 22: Phép cộng các số có nhiều chữ số (tiết 1)	Trang 76; 77, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập một
			Bài 47: ài toán liên quan đến rút về đơn vị (tiết 1)	Trang 31, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai
			Bài 64: Phép chia phân số (tiết 1)	Trang 91; 92, Sách giáo khoa Toán 4 - Tập hai

3	Giáo viên Giáo dục thể chất (Tiểu học)	Sách giáo khoa Giáo dục thể chất lớp 4 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Đi đều vòng bên phải trong chủ đề Đội hình đội ngũ.	Tiết 1: Một hàng dọc đi đều vòng bên phải
				Tiết 2: Nhiều hàng dọc đi đều vòng bên phải
			Đi đều vòng sau trong chủ đề Đội hình đội ngũ.	Tiết 1: Một hàng dọc đi đều vòng sau bên trái
				Tiết 2: Nhiều hàng dọc đi đều vòng sau bên trái
			Động tác vươn thở, động tác tay, động tác chân với vòng trong chủ đề Bài thể dục.	Tiết 1: Động tác vươn thở, động tác tay với vòng
				Tiết 2: Động tác chân với vòng và ôn các động tác đã học
			Động tác nhảy, động tác điều hoà với vòng trong chủ đề Bài thể dục.	Tiết 1: Động tác nhảy, động tác điều hoà với vòng
				Tiết 2: Hoàn thiện bài thể dục với vòng
			Bài tập rèn luyện kỹ năng bật xa trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Tại chỗ bật xa
				Tiết 2: Di chuyển một bước bật xa giậm nhảy bằng hai chân
			Bài tập rèn luyện kỹ năng bật cao trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Tại chỗ bật cao
				Tiết 2: Di chuyển một bước bật cao
			Nhảy dây trong chủ đề Tư thế và kỹ năng vận động cơ bản.	Tiết 1: Nhảy dây chụm chân
				Tiết 2: Nhảy dây qua từng chân
			Môn Bóng rổ trong chủ đề Thể thao tự chọn.	Tiết 1: Động tác tại chỗ dẫn bóng theo hình chữ V, dẫn bóng vượt chướng ngại vật
Tiết 2: “Động tác chuyền, bắt bóng bật đất bằng hai tay trước ngực				
Tiết 3: Tại chỗ ném rổ bằng một tay trên vai				
Môn Bơi trong chủ đề Thể thao tự chọn.	Tiết 1: Tập động tác chân kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước			
	Tiết 2: Tập động tác tay kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước			
	Tiết 3: Tập động tác tay phối hợp với thở kiểu bơi Éch di động (có điểm tựa và không có điểm tựa" trong nước			
4	Giáo viên Giáo dục thể chất (THCS)	Sách giáo khoa Giáo dục thể chất lớp 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chạy cự li ngắn (100m) trong chủ đề Vận động cơ bản	Tiết 1: Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát
				Tiết 2: Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng; một số điều luật thi đấu chạy CLN
				Tiết 3: Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (100m)
			Nhảy cao kiểu bước qua trong chủ đề Vận động cơ bản	Tiết 1: Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng; một số điều luật thi đấu nhảy cao (Khu vực chạy đà và giậm nhảy, dụng cụ thi đấu)
				Tiết 2: Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm)

5				Tiết 3: Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua; Một số điều luật thi đấu nhảy cao (cuộc thi nhảy cao, khu vực rơi xuống)"
			Chạy cự li trung bình trong chủ đề Vận động cơ bản	Tiết 1: Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích
				Tiết 2: Phối hợp các giai đoạn của chạy cự li trung bình.
			Bài thể dục nhịp điệu trong chủ đề Vận động cơ bản	Tiết 1: Động tác chạy tại chỗ, động tác tay ngực của Bài thể dục nhịp điệu
				Tiết 2: Động tác lườn và động tác bật nhảy co gối của Bài thể dục nhịp điệu
				Tiết 3: Hoàn thiện Bài thể dục nhịp điệu
			Môn Cầu lông trong chủ đề Thể thao tự chọn	Tiết 1: Kỹ thuật đập cầu thuận tay
				Tiết 2: Di chuyển ngang đập cầu thuận tay
				Tiết 3: Ôn kĩ thuật đập cầu thuận tay
			Môn Bóng đá trong chủ đề Thể thao tự chọn	Tiết 1: Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân
				Tiết 2: Kỹ thuật tại chỗ đánh đầu bằng trán giữa; một số điều luật thi đấu bóng đá 7 người (sân thi đấu, thời gian trận đấu)
				Tiết 3: Bài tập phối hợp dẫn bóng và đá bóng vào cầu môn.
			Môn Bóng rổ trong chủ đề Thể thao tự chọn	Tiết 1: Kỹ thuật dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái; Một số điều luật trong thi đấu bóng rổ (Cách chơi bóng, kiểm soát bóng)
				Tiết 2: Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp
				Tiết 3: Bài tập phối hợp di chuyển chuyển, bắt bóng và hai bước ném rổ một tay dưới thấp
	Giáo viên Tiếng Anh (Tiểu học)	Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 4 Global Success - tập hai - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Unit 11. My Home	Lesson 1_ Part 1 (p.6)
				Lesson 3_Part 1 (p. 10)
			Unit 12. Jobs	Lesson 2_Part 1 (p.14)
				Lesson 2_Part 2 (p.15)
			Unit 13. Appearance	Lesson 1 _Part 2 (p.19)
				Lesson 3_Part 1 (p.22)
			Unit 14. Daily Activities	Lesson 1_Part 2 (p.25)
			Unit 15. My family's weekends	Lesson 2_Part 1 (p.32)
			Review 3	Part 1 (p.36)
				Part 2 (p.37)
		Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 5 Global Success - tập hai - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Unit 6: Our school rooms	Lesson 1 – Activity 1 - 3, Trang 44
				Lesson 3 – Activity 4 - 6, Trang 49
			Unit 8: In our classroom	Lesson 1 – Activity 4 - 6, trang 57
				Lesson 3 – Activity 1 - 3, trang 60
			Unit 10: Our school trip	Lesson 1 – Activity 1 - 3, trang 68
				Lesson 1 – Activity 4 - 6, trang 69
			Unit 12: Our Tet holiday	Lesson 2 – Activity 1 - 3, trang 14

				Lesson 3 – Activity 4 - 6, trang 17
			Unit 14: Staying healthy	Lesson 2 – Activity 1 - 3, trang 26
				Lesson 3 – Activity 4 - 6, trang 29
6	Giáo viên Tiếng Anh (THCS)	Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 8 Global Success - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Unit 6. Lifestyles	Lesson 1. Getting started
				Lesson 2. A close look 1
			Unit 7. Environmental Protection	Lesson 3. A closer look 2
				Lesson 4. Communication
			Unit 8. Shopping	Lesson 5. Skills 1
				Lesson 7. Looking back and Project
			Unit 9. Natural Disasters	Lesson 1. Getting started
				Lesson 4. Communication
				Lesson 6. Skills 2
			Unit 10. Communication in the future	Lesson 5. Skills 1
		Sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 9 Global Success - NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Unit 2: City life	UNIT 2- A closer look 1
				UNIT 2- Skills 2
			Unit 6: Vietnamese lifestyle: then and now	UNIT 6- A closer look 2
				UNIT 6- Skills 1
			Unit 7: Natural wonders of the world	UNIT 7- A closer look 1
				UNIT 7-Communication
			Unit 8: Tourism	UNIT 8-Getting started
				UNIT 8-A closer look 1
			Unit 11: Electronic devices	UNIT 11-Skills 1
				UNIT 11-Skills 2
7	Giáo viên Mỹ thuật (THCS)	Sách giáo khoa Mỹ thuật lớp 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Mỹ thuật thế giới thời kì trung đại	Bài 1: Mỹ thuật tạo hình thời kì trung đại
				Bài 2: Mỹ thuật ứng dụng thời kì trung đại
			Vẽ đẹp di tích	Bài 3: Hình ảnh di tích trong sáng tạo mỹ thuật
				Bài 4: Hình ảnh di tích trong thiết kế tem bưu chính
			Yếu tố dân tộc trong tranh của một số họa sĩ	Bài 6: thiết kế logo
			Về đẹp trong tác phẩm hội họa	Bài 7: Không gian trong tác phẩm hội họa thế giới thời kì trung đại
			Hiện thực cuộc sống trong sáng tạo mỹ thuật	Bài 9: Tìm hiểu nguồn sáng trong tranh
			Tạo hình ngôi nhà trong sáng tạo mỹ thuật	Bài 12: Tranh cổ động
			Sum họp gia đình	Bài 13: Đề tài gia đình trong sáng tạo mỹ thuật
			Mỹ thuật Việt Nam thời kì trung đại	Bài 15: Di sản mỹ thuật Việt Nam thời kì trung đại
		Sách giáo khoa Mỹ thuật lớp 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Hình tượng con người trong mỹ thuật	Bài 2: Một số dạng bố cục trong tranh sinh hoạt
			Về đẹp trong nghệ thuật truyền thống	Bài 4: Thiết kế trang phục với hoa văn dân tộc thiểu số
			Niềm vui, hạnh phúc	Bài 5: Tác phẩm hội họa chủ đề <i>Niềm vui, hạnh phúc</i>

			Mỹ thuật thể giới thời kì hiện đại	Bài 7: Một số trường phái mỹ thuật phương Tây thời kì hiện đại
			Vẻ đẹp trong lao động	Bài 9: Vẻ đẹp của người lao động trong sáng tạo mỹ thuật
			Vẻ đẹp trong lao động	Bài 10: Nghệ thuật trở giấy trong trang trí
			Giao thông công cộng trong sáng tạo mỹ thuật	Bài 12: Thiết kế, trang trí áo phông
			Mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại	Bài 13: Một số tác giả, tác phẩm mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại
			Mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại	Bài 14: Nghệ thuật thiết kế Việt Nam thời kì hiện đại
			Hướng nghiệp	Bài 16: Đặc trưng của ngành, nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình
8	Giáo viên Toán (THCS)	Sách giáo khoa Toán lớp 8 (Tập 1 + 2) - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Chương II: Hằng đẳng thức đáng nhớ và ứng dụng	Bài 6: Hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng hay một hiệu
				Bài 8: Tổng và hiệu hai lập phương
				Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử.
			Chương III: Tứ giác	Bài 11. Hình thang cân.
				Bài 12. Hình bình hành.
			Chương IV: Định lý Thalès	Bài 15: Định lý Thalès trong tam giác
				Bài 16. Đường trung bình của tam giác.
				Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác.
			Chương V: Dữ liệu và biểu đồ	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ.
				Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ.
			Chương VI: Phân thức đại số	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số.
				Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số.
				Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số.
			Chương VII: Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất	Bài 26: Giải bài toán bằng cách lập phương trình.
				Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất.
				Bài 29: Hệ số góc của đường thẳng
			Chương VIII: Mở đầu về tính xác suất của biến cố.	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số.
				Bài 32: Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng.
			Chương IX: Tam giác đồng dạng	Bài 36: Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.
				Bài 37: Hình đồng dạng.
9	Giáo viên Âm nhạc (THCS)	Sách giáo khoa Âm nhạc lớp 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam	Chủ đề 1: Ngày khai trường	Tiết 1. Học bài hát: "Khai trường" (Trang 6-7, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
				Tiết 2. Lí thuyết âm nhạc: Nhịp lấy đà Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 1 (Trang 8-9, sách giáo khoa Âm nhạc 7)

			Chủ đề 2: Môi trường xanh	Tiết 5. Học bài hát: "Vì cuộc sống tươi đẹp" Nghe nhạc: Tác phẩm "Alouette" (Tiếng chim sơn ca) (Trang 14-16, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
				Tiết 6. Nhạc cụ giai điệu (Trang 17, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
			Chủ đề 3: Thầy cô và mái trường	Tiết 11. Lí thuyết âm nhạc: Dấu nhắc lại, dấu quay lại, khung thay đổi Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 2 (Trang 24-25, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
				Tiết 12. Thường thức âm nhạc: Giới thiệu một số thể loại ca khúc Ôn tập: Bài đọc nhạc số 2, bài hát "Nhớ ơn thầy cô" (Trang 22, 25, 26, 27, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
			Chủ đề 4: Giai điệu quê hương	Tiết 14. Học bài hát: "Lí kéo chài" (Trang 30-31, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
				Tiết 17. Vận dụng sáng tạo (Trang 30, 36, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
			Chủ đề 6: Âm nhạc nước ngoài	Tiết 23. Học bài hát: "Santa Lucia" (Trang 46-47, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
				Tiết 26. Vận dụng sáng tạo (Trang 46, 48, 52, sách giáo khoa Âm nhạc 7)
		Sách giáo khoa Âm nhạc lớp 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023.	Chủ đề 2: Tôi yêu Việt Nam	Bài 3. Tiết 5. Hát: Bài hát "Việt Nam ơi" Nghe nhạc: Bài hát "Ngàn ước mơ Việt Nam" (Trang 12-14, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
				Bài 3. Tiết 6. Thường thức âm nhạc: Dân ca Quan họ Bắc Ninh Ôn bài hát: Việt Nam ơi (Trang 12, 16, 17, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
			Chủ đề 3: Hòa ca	Bài 5. Tiết 11. Thường thức âm nhạc: Thể loại hợp xướng Ôn liên khúc "Tôi yêu Việt Nam" (Trang 21-23, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
				Bài 6. Tiết 12. Lí thuyết âm nhạc: Nhịp 3/8 Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 2 (Trang 24-25, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)

			Chủ đề 6: Âm nhạc nước ngoài	Bài 11. Tiết 23. Hát: Bài hát "Hát lên cho ngày mai" Nghe nhạc: Bài hát "Trở về Surriento" (Trang 44-46, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
				Bài 12. Tiết 25. Lí thuyết âm nhạc: Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ Độc nhạc: Bài đọc nhạc số 4 (Trang 48-49, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
			Chủ đề 7: Giai điệu quê hương	Bài 13. Tiết 28. Hát: Bài hát "Soi bóng bên hồ" (Trang 52-53, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
				Bài 13. Tiết 29. Thường thức âm nhạc: Đàn nguyệt và đàn tính Ôn bài hát: Soi bóng bên hồ (Trang 52, 54, 55, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
			Chủ đề 8: Nhịp điệu mùa hè	Bài 15. Tiết 32: Nghe nhạc: Bài hát "Xôn xao mùa hè" Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Frederic Chopin (F. Chopin) và tác phẩm "Khúc tùy hứng" giọng Đô thăng thứ (Fantaisie Impromptu in C Sharp Minor) (Trang 60-63, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
				Bài 16. Tiết 33. Nhạc cụ: Recorder hoặc kèn phím (Trang 64-65, Sách giáo khoa Âm nhạc 8)
			Chủ đề 1 : Đọc văn bản	Bài 1 : Bầu trời tuổi thơ. Văn bản 1 : Bầy chim chìa vôi -Nguyễn Quang Thiều (trang 11 tập 1)
				bài 4: Giai điệu đất nước. Văn bản 1: Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải trang 90 tập 1)
				Bài 7. Thế giới viễn tưởng ; Văn bản 1: cuộc chạm trán trên đại dương (trích Hai vạn dặm dưới biển, Giuyn Vec-nơ) (trang 27 tập 2)
				Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành ; Văn bản 3: Nói với con - Y Phương (trang 65 tập 2)
			Chủ đề 2: Viết	Bài 3. Cội nguồn yêu thương; Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật một tác phẩm văn học (trang 74, tập 1)
				Bài 9. Hòa điệu với tự nhiên. Viết văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động(trang 91, tập 2)
10	Giáo viên Ngữ văn (THCS)	Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7 - tập 1 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7 - tập 2 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023		

				Bài 10. Trang sách và cuộc sống. Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc (trang 112 tập 2)
			Chủ đề 3 : Thực hành tiếng Việt	Bài 1 : Bầu trời tuổi thơ. Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ (trang 17 tập 1)
				Bài 7. Thế giới viễn tưởng ; Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết (trang 34 tập 2)
			Chủ đề 4 : Nói và nghe	Bài 7. Thế giới viễn tưởng; Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người (trang 42 tập 2)
		Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 - tập 1 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023 Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 - tập 2 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2023	Chủ đề 1: Đọc văn bản	Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển: Văn bản 1: Thu điều - Nguyễn Khuyến (trang 40 tập 1)
				Bài 5. Những câu chuyện hài: Văn bản 2: Chùm truyện cười dân gian Việt Nam (trang 108, tập 1)
				Bài 6. Chân dung cuộc sống; Văn bản 2: Lặng lẽ Sa pa (trích, Nguyễn Thành Long) (trang 15, tập 2)
				Bài 7. Tin yêu và ước vọng; Văn bản 1: Đồng chí (Chính Hữu) (trang 37, tập 2)
			Chủ đề 2: Viết	Bài 5. Những câu chuyện hài; Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trang 114, tập 1)
				Bài 6. Chân dung cuộc sống; Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện (trang 26, tập 2)
				Bài 9. Hôm nay và ngày mai; Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên (trang 102, tập 2)
			Chủ đề 3: Thực hành tiếng Việt	Bài 4. Tiếng cười trào phúng trong thơ: Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số từ, thành ngữ Hán Việt (trang 84, tập 1)
				Bài 8. Nhà văn và trang viết; Thực hành tiếng Việt: Thành phần biệt lập (trang 66 tập 2)
			Chủ đề 4: Nói và nghe	Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại) (trang 53 tập 1)
11	Giáo viên Sinh học (THCS)	Sách giáo khoa Khoa tự nhiên học 7 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2025	Chủ đề 3: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	Bài 22: Quang hợp ở thực vật
				Bài 23: Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp
				Bài 26: Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào
				Bài 28: Trao đổi khí ở sinh vật
				Bài 29: Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật
				Bài 30: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật

				Bài 31: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật
			Chủ đề 4: Cảm ứng ở sinh vật	Bài 33: Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật
			Chủ đề 5: Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	Bài 36: Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật
			Chủ đề 6: Sinh sản ở sinh vật	Bài 40: Sinh sản hữu tính ở sinh vật
		Sách giáo khoa Khoa tự nhiên học 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm xuất bản 2025	Chủ đề 1: Sinh học cơ thể người	Bài 31: Hệ vận động ở người
				Bài 32: Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người
				Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người
				Bài 34: Hệ hô hấp ở người
				Bài 35: Hệ bài tiết ở người
				Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người
				Bài 39: Da và điều hòa thân nhiệt ở người
			Chủ đề 2: Sinh vật và môi trường	Bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái
				Bài 42: Quần thể sinh vật
				Bài 44: Hệ sinh thái
12	Giáo viên Hóa học (THCS)	Sách giáo khoa Khoa học tự nhiên 8 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024.	Bài 2: Phản ứng hoá học	II – Phản ứng hoá học
			Bài 3: Mol và tỉ khối chất khí	I – Mol
			Bài 4: Dung dịch và nồng độ	III – Nồng độ dung dịch
			Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học	I - Định luật bảo toàn khối lượng
			Bài 6: Tính theo phương trình hoá học	I – Tính lượng chất trong phương trình hoá học
			Bài 8: Acid	II – Tính chất hoá học
			Bài 9: Base. Thang pH	II – Tính chất hoá học
			Bài 10: Oxide	I – Khái niệm
			Bài 11: Muối	III – Tính chất hoá học
			Bài 12: Phân bón hoá học	II – Một số loại phân bón thông dụng
		Sách giáo khoa Khoa học tự nhiên 9 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2024.	Bài 18: Tính chất chung của kim loại	Toàn bài
			Bài 19: Dây hoạt động hóa học	II- Ý nghĩa dây hoạt động hóa học
			Bài 20: Tách kim loại và việc sử dụng hợp kim	I - Phương pháp tách kim loại
			Bài 22: Giới thiệu về hợp chất hữu cơ	II- Công thức phân tử và công thức cấu tạo
			Bài 23: Alkane	III- Phản ứng cháy của alkane
			Bài 24: Alkene	II - Ethylene
			Bài 26: Ethylic alcohol	IV- Điều chế V: Ứng dụng VI: Tác hại của việc lạm dụng rượu, bia, đồ uống có cồn
			Bài 27: Acetic acid	III- Tính chất hóa học
			Bài 28: Lipid	II- Chất béo
			Bài 32: Polymer	IV- Ứng dụng của polyethylene và vấn đề ô nhiễm môi trường

13	Giáo viên Lịch sử (THCS)	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 8-kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam. năm 2023	Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Tiết 1
				Tiết 2
			Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVII	Tiết 1
			Bài 3. Cách mạng công nghiệp	Tiết 1
			Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX	Tiết 1
			Bài 5. Cuộc xung đột nam - bắc triều và Trịnh - Nguyễn	Tiết 2
			Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	Tiết 1
			Bài 8. Phong trào Tây Sơn	Tiết 1
				Tiết 2
			Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII	Tiết 1
			Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)	Tiết 1
				Tiết 2
			Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và cách mạng tháng mười Nga năm 1917	Tiết 1
				Tiết 2
			Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	Tiết 1
			Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	Tiết 1
			Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884	Tiết 2
			Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896	Tiết 1
				Tiết 2
			Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917	Tiết 1

PHỤ LỤC SỐ 04
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUYỆN TẬP TẠI NHÀ BÀI THI TRẮC
NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH VÒNG 1 KỲ TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO
XÃ NỘI BÀI NĂM 2026

Để chuẩn bị tốt nhất cho thí sinh trước khi bước vào kỳ thi tuyển dụng viên chức, thí sinh có thể luyện tập, thực hành các thao tác làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính tại địa chỉ website: <http://thitracnghiem.htncorp.vn>

Đây là trang web với mục đích để các thí sinh luyện tập thao tác làm bài trắc nghiệm, mọi nội dung trong đề bài hoặc số báo danh, chuyên ngành hoàn toàn không liên quan đến bài trắc nghiệm trong kỳ thi chính thức.

Yêu cầu:

- + Máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh có kết nối mạng internet
- + Trình duyệt web: Google Chrome, Firefox hoặc Opera phiên bản mới nhất

HƯỚNG DẪN THÍ SINH LÀM BÀI LUYỆN TẬP TRẮC NGHIỆM

Đối với phần luyện tập tại nhà, thí sinh tham gia hoàn toàn không cần đăng ký tài khoản hay khai báo thông tin. Thí sinh thực hiện theo các bước sau:

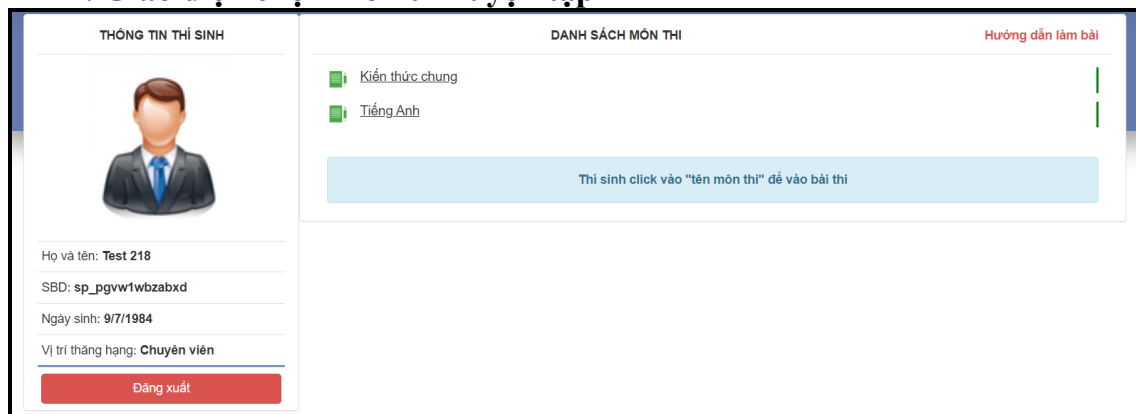
1. Truy cập địa chỉ trang web: [http:// thitracnghiem.htncorp.vn](http://thitracnghiem.htncorp.vn)

Khi truy cập thành công màn hình của máy tính sẽ hiển thị như sau:



Thí sinh nhấn nút “TẠO TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG NHẬP” để tiếp tục.

2. Giao diện chọn môn thi luyện tập



⇒ Lưu ý: Thông tin thí sinh tại giao diện trên được hệ thống khởi tạo ngẫu nhiên.

3. Các thao tác tiếp theo vào đề bài, làm và nộp bài thí sinh tiến hành thực hiện như trong bài “**Hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm thăng hạng trên máy tính**”.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY VI TÍNH
THI TRẮC NGHIỆM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC
XÃ NỘI BÀI NĂM 2026

I. HƯỚNG DẪN THÍ SINH ĐĂNG NHẬP VÀO HỆ THỐNG

1. Màn hình trước khi đăng nhập

Khi thí sinh ngồi vào máy chuẩn bị làm bài thi trắc nghiệm màn hình của máy tính sẽ hiển thị như sau:

KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC
XÃ NỘI BÀI NĂM 2026
PHẦN THI TRẮC NGHIỆM
(Hệ thống luyện tập làm bài trắc nghiệm)

→ ĐĂNG NHẬP

Tên đăng nhập (Số báo danh):

Mật khẩu:

Đăng nhập

v.1.00

- **Thí sinh điền các thông tin sau vào ô đăng nhập**

+ Số báo danh, Mật khẩu

+ *Số báo danh và mật khẩu sẽ cấp cho thí sinh trước khi vào phòng thi trắc nghiệm.*

Sau khi điền xong, thí sinh nhấp chuột vào nút “**Đăng nhập**” để vào hệ thống.

2. Màn hình sẽ hiển thị khi thí sinh đăng nhập thành công:

Khi thí sinh đăng nhập thành công màn hình hiển thị thông tin của thí sinh bao gồm: Ảnh, Họ và tên, Số báo danh, Vị trí dự tuyển ở phía bên tay phải. (Ảnh của thí sinh sẽ được chụp và cập nhật trước khi thí sinh vào phòng thi)

Ví dụ: Thí sinh có số báo danh là: **A0001** - Họ và tên: **Nguyễn Văn A1** - Vị trí dự tuyển: **Vị trí 1**, khi đăng nhập thành công màn hình sẽ hiển thị như sau:

THÔNG TIN THÍ SINH	DANH SÁCH MÔN THI
 Họ và tên: Nguyễn Văn A1 SBD: A0001 Ngày sinh: 10/8/1982 Vị trí dự tuyển: Vị trí 1; Đăng xuất	Kiến thức chung Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Thí sinh click vào "tên môn thi" để vào bài thi

Phần thi trắc nghiệm gồm hai môn thi hiển thị theo thứ tự:

- + **Kiến thức chung;**
- + **Ngoại ngữ (Tiếng Anh);**

***Lưu ý:** Màn hình hiển thị thông báo khi thí sinh đăng nhập bằng số báo danh của người khác đã được đăng nhập trước đó.

Trong 1 ca thi trắc nghiệm thí sinh chỉ được đăng nhập duy nhất số báo danh của mình vào trang web trên máy tính được chỉ định sử dụng.

Trong trường hợp thí sinh bị người khác đăng nhập nhầm, hoặc cố ý đăng nhập số báo danh của mình trước khi thí sinh đăng nhập thì màn hình sẽ hiển thị thông báo như sau:

THÔNG BÁO
Số báo danh đã đăng nhập trên máy tính khác. Bạn cần thông báo với giám thị!
Quay lại trang chủ

Thí sinh thông báo giám thị để kịp thời tiến hành xử lý.

II. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI TRẮC NGHIỆM VÀ NỘP BÀI

Bước 1. Sau khi có hiệu lệnh làm bài thí sinh nhấn chuột vào tên môn thi (ví dụ kiến thức chung) để hệ thống chuyển sang giao diện như sau:

CHÚ Ý KHI LÀM BÀI THI MÔN: KIẾN THỨC CHUNG
Số lượng câu hỏi: 60 câu Thời gian làm bài: 60 phút Khi thí sinh bắt đầu làm bài thi, thời gian sẽ được tính. Thí sinh bắt buộc phải hoàn thành bài thi của mình trong thời gian quy định, quá thời gian này hệ thống sẽ tự động dừng bài thi của thí sinh và trả về kết quả! Thí sinh nhấn nút: "Bắt đầu làm bài" để vào bài thi, hoặc bài thi được tự động bắt đầu sau: 00:54 Bắt đầu làm bài

- Tại giao diện trên, thí sinh nhấn chuột vào nút "**Bắt đầu làm bài**", hệ thống sẽ hiển thị đề gồm 60 câu và các phương án trả lời của từng câu như sau:

BÀI LÀM

01:00:00

Câu hỏi 1:

Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là?

☐ Cả 02 phương án trên đều đúng.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.

☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.

Câu hỏi 2:

Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức?

☐ Cảnh cáo

☐ Khiển trách

☐ Cách chức

Câu hỏi 3:

Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là:

☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.

Chú ý:

- Màu đen: Câu hỏi chưa trả lời

- Màu xanh: Câu hỏi đã trả lời

+ Họ và tên: **Nguyễn Văn A1**

+ Số báo danh: **A0001**

+ Vị trí: **Chuyên viên;**

NỘP BÀI

Màn hình hiển thị đề thi trắc nghiệm chi tiết gồm 2 phần

*** Phần bên trái bao gồm:**

- Danh mục câu hỏi:

- + Thí sinh có thể chuyển đến câu hỏi bất kì trong bài làm bằng cách nhấp chuột vào ô số thứ tự câu hỏi đó.
- + Khi thí sinh trả lời câu hỏi, ô câu đánh số tương ứng hỏi đó sẽ được đổi từ màu đen sang màu xanh.

Thời gian: Đồng hồ sẽ đếm ngược thời gian làm bài của thí sinh từ phút 60 về đến 0. Thí sinh theo dõi thời gian để làm bài và nộp bài, khi thời gian làm bài hết 60 phút hệ thống sẽ tự nộp bài của thí sinh.

Thông tin của thí sinh: Họ và tên - Số báo danh - Vị trí dự tuyển.

*** Phần trung tâm bao gồm:**

- Nội dung đề bài:

- + Nội dung câu hỏi và phương án trả lời của 60 câu hỏi
- + Thí sinh di chuyển từ Câu hỏi 1 đến Câu hỏi 60 bằng cách kéo thanh cuộn bên phía tay phải hoặc nhấp chuột vào ô câu đánh số tương ứng.
- + Thí sinh trả lời câu hỏi bằng cách nhấp chuột vào phương án trả lời cho là đúng nhất.
- + Thí sinh có thể thay đổi câu trả lời khi thời gian làm bài chưa kết thúc.
- Khi làm bài, thí sinh trả lời câu hỏi nào hệ thống sẽ tự động lưu câu hỏi đó, đảm bảo bài làm luôn được lưu trong hệ thống đề phòng trường hợp xảy ra sự cố như: Mất điện, mất mạng...
- + Các câu hỏi được trả lời sẽ đổi màu trên ô **“Danh sách câu hỏi”** để thí sinh kiểm soát được trong quá trình làm bài.

Bước 2. Kết thúc và Nộp bài

- Để nộp bài trắc nghiệm, thí sinh nhấp chuột vào nút **“Nộp bài”**
- Khi thí sinh nhấp chuột vào nút **“Nộp bài”** màn hình sẽ xuất hiện thông báo xác nhận nộp bài **“Sau khi kết thúc, bạn sẽ không thể thay đổi bài làm, bạn có chắc chắn nộp bài trắc nghiệm?”**. Thí sinh nhấp chuột vào nút **“Đồng ý”** để nộp bài, nhấp chuột vào nút **“Hủy”** nếu chưa chắc chắn.

localhost says

Sau khi xác nhận kết thúc, bạn sẽ không thể thay đổi bài làm! Bạn có chắc chắn muốn kết thúc bài thi tại thời điểm này?

OKCancel

Câu hỏi 1:

Theo quy định tại Điều 8 Luật Giáo dục, văn bằng là?

☒ Cả 02 phương án trên đều đúng.
☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.
☐ Của hệ thống giáo dục quốc dân cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học.

Câu hỏi 2:

Nội dung nào là không thuộc hình thức kỷ luật viên chức không giữ chức vụ quản lý quy định trong Luật Viên chức?

☒ Cảnh cáo
☐ Khiển trách
☐ Cách chức

Câu hỏi 3:

Chế độ tập sự được quy định trong Luật Viên chức là:

☒ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.
☐ Thời gian tập sự từ 01 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.
☐ Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và không được quy định trong hợp đồng làm việc.

00:58:12

1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31	32	33	34	35
36	37	38	39	40	41	42

Chú ý:

- Màu đen: Câu hỏi chưa trả lời

- Màu xanh: Câu hỏi đã trả lời

+ Họ và tên: Nguyễn Văn A1

+ Số báo danh: A0001

+ Vị trí: Chuyên viên;

NỘP BÀI

- Khi thí sinh nhấp chuột vào nút “**Đồng ý**” hệ thống chấm điểm bài thi và chuyển đến màn hình kết quả của thí sinh:

*** Phần bên trái: Khung chứa cố định trên màn hình bao gồm:**

- Danh mục câu hỏi:

+ Mỗi ô thể hiện trạng thái kết quả tương ứng với câu hỏi đó bao gồm: **Màu xanh lá cây**: Câu hỏi trả lời đúng - **Màu đỏ**: Câu hỏi trả lời là sai - **Màu vàng**: Câu hỏi không trả lời.

- Thông tin thí sinh:

+ Họ và tên

+ Số báo danh

*** Phần trung tâm: Hiển thị thống kê kết quả bài làm**

- Phía bên trên hiển thị ô thông tin bao gồm:

+ Bắt đầu lúc: Thời gian bắt đầu làm bài

+ Kết thúc lúc: Thời gian nộp bài

+ Thời gian thực hiện bài thi

+ Kết quả: **Tổng số câu đúng**

- Phía bên dưới: Hiển thị toàn bộ thông tin kết quả của 60 câu hỏi (đối với kiến thức chung):

Môn ngoại ngữ tương tự như kiến thức chung với 30 câu hỏi làm trong thời gian 30 phút.